

BẢN SAO

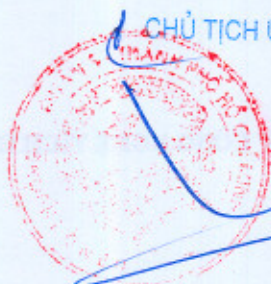
CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG VTC
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
cho năm tài chính 2008

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH.

Số chứng thực **05301.02** Quyền số.....SCT/BS

Ngày **18.05.11**

CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG 3-QUẬN 3



Lâm Văn Còi

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 04
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	05 - 06
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	07 - 09
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	10
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	11 - 12
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	13 - 32
PHỤ LỤC 1: BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY	
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	33 - 35
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	36
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	37 - 38
PHỤ LỤC 2: BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA CHI NHÁNH HÀ NỘI	
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	39 - 40
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	41
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	42
PHỤ LỤC 3: BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA TRUNG TÂM SẢN XUẤT THẺ THÔNG MINH	
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	43 - 45
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	46
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	47
PHỤ LỤC 4: BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TÍCH HỢP (ITE)	
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	48 - 49
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	50
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	51
PHỤ LỤC 5: BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ MẠNG VIỆT THÀNH CÔNG (VTC NETWORK)	
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	52 - 53
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	54
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	55

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Viễn thông VTC trình bày Báo cáo của Ban Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính 2008.

Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Viễn thông VTC (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được thành lập từ việc cổ phần hóa một bộ phận doanh nghiệp Nhà nước của Công ty Thiết bị điện thoại là "Trung tâm nghiên cứu sản xuất và bảo dưỡng thiết bị thông tin 1 (VTC1)" theo Quyết định số 618/1999/QĐ-TCCB ngày 08/09/1999 của Tổng cục trưởng Tổng cục Bưu điện. Công ty Cổ phần Viễn thông VTC hiện nay hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 12 số 056681 ngày 28/11/2007 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn kinh doanh của Công ty:

Vốn điều lệ của Công ty: **40.500.850.000 VND** (Bốn mươi tỷ, năm trăm triệu, tám trăm năm mươi nghìn đồng)

Số TT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân, trụ sở chính của tổ chức	Số cổ phần
1.	Đại diện vốn nhà nước Đại diện: Lê Phước Hương Đại diện: Lê Ngọc lan	6M Lô J Điện Biên Phủ, phường 25, quận Bình Thạnh, tp. Hồ Chí Minh 4A K2 tổ 55, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Hà Nội	67.500
2.	Phạm Hoàng Tuấn	03 Phan Đình Phùng, phường 2, thị xã Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh	2.726
3.	Đại diện vốn cổ đông Đoàn Văn Duẩn	H10-D3 Văn Thánh Bắc, phường 15, quận Bình Thạnh, tp. Hồ Chí Minh	2.500
4.	Đỗ Văn Trắc	70 Huỳnh Tịnh Của, phường 8, quận 3, tp. Hồ Chí Minh	1.650
5.	Và 211 cổ đông khác		75.624

Các Công ty con do Công ty nắm giữ trên 50% vốn điều lệ gồm có:

Tên đơn vị	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ
Trung tâm sản xuất thẻ thông minh	60%	60%	750B Điện Biên Phủ, phường 11, quận 10, tp. Hồ Chí Minh
Công ty Cổ phần Công nghệ Tích Hợp (ITE)	87,95%	66,3%	750 Điện Biên Phủ, phường 11, quận 10, tp. Hồ Chí Minh
Công ty Cổ phần Công nghệ mạng Việt Thành Công (VTC networks)	54,33%	55,63%	497/3 Sư Vạn Hạnh, phường 12, quận 10, tp. Hồ Chí Minh

Số vốn góp vào Công ty Cổ phần Công nghệ Tích Hợp (ITE) và Công ty Cổ phần Công nghệ mạng Việt Thành Công (VTC networks) có thể bị thay đổi vì đang trong giai đoạn góp vốn.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

Ngành nghề kinh doanh của Công ty

- Nghiên cứu, SX và lắp ráp các thiết bị buru chính, viễn thông, điện, điện tử và tin học;
- Lắp đặt, bảo dưỡng, hỗ trợ vận hành các thiết bị viễn thông, điện, điện tử và tin học. Xây lắp các công trình viễn thông, điện, điện tử và tin học;
- Chuyển giao kỹ thuật công nghệ chuyên ngành viễn thông, điện, điện tử và tin học;
- Xuất nhập khẩu phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Kinh doanh các ngành nghề kỹ thuật, dịch vụ khác phù hợp với quy định của Pháp luật Việt Nam;
- Cho thuê tài sản hoạt động, cho thuê các sản phẩm, thiết bị buru chính viễn thông, điện, điện tử và tin học;
- Sản xuất các loại thẻ (card) dùng trong lĩnh vực: tin học, viễn thông, bảo vệ và các ứng dụng khác.
- In offset, in nhiệt... trên thẻ (chỉ hoạt động khi được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an ninh, trật tự để làm nghề kinh doanh đặc biệt);
- Viết phần mềm;
- Sản xuất, mua bán sửa chữa, bảo hành, bảo dưỡng các loại thẻ, thiết bị phần cứng, phần mềm phục vụ ứng dụng thẻ. Mua bán camera quan sát, cửa sử dụng khoá điện tử, khoá điện từ, văn phòng phẩm, máy móc và nguyên vật liệu sản xuất thẻ. Đại lý ký gửi hàng hoá;
- Đại lý cung cấp và phát triển các dịch vụ viễn thông sử dụng công nghệ CDMA và PHS (IPAS). Mua bán các loại máy thiết bị đầu cuối dùng cho mạng viễn thông sử dụng công nghệ CDMA và PHS (IPAS);
- Đại lý phân phối sản phẩm cáp và vật liệu viễn thông;
- Sản xuất lắp ráp, mua bán, sửa chữa điện thoại di động và thiết bị đầu cuối dùng trong viễn thông;
- Mua bán máy móc thiết bị văn phòng, thiết bị điện, điện lạnh;
- Tư vấn quản lý, khảo sát các công trình buru chính, viễn thông, điện tử, tin học. Tư vấn giám định tồn thất công trình, thiết bị buru chính, viễn thông, điện tử, tin học;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hoá và dịch vụ viễn thông.

Địa chỉ: Lầu 3, số 750, Điện Biên Phủ, phường 11, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

Tel: 08. 3833 1106

Fax: 08.3830 0253

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính 2008 và đến ngày lập Báo cáo tài chính, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Lê Văn Giảng	Chủ tịch
Ông Trần Viết Tổng	Ủy viên
Ông Nguyễn Quang Hưng	Ủy viên
Ông Võ Hùng Tiến	Ủy viên
Ông Cù Lư Vỹ	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Trần Viết Tổng	Tổng giám Đốc
Ông Lê Văn Giảng	Phó Tổng giám Đốc

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2008 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE).

Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2008.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

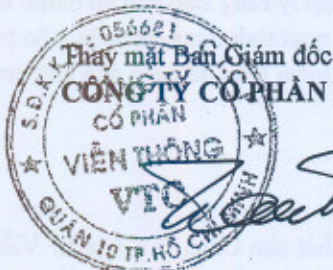
Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2008 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2008 và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất này hay không; và
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi việc tiếp tục hoạt động của Công ty không được đảm bảo.

Ban Giám đốc có trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp, đầy đủ để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.



Trần Việt Tống

Tổng giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 03 năm 2009

VAE
FY
U HAN
H GIÁ
HA NF



CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN, ĐỊNH GIÁ, TƯ VẤN TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN, THUẾ

Địa chỉ : Tầng 11 Tòa nhà Sông Đà - Số 165 - Đường Cầu Giấy - Quận Cầu Giấy - Hà Nội
ĐT : 04.62670 491/492/493 * Fax : 04.62670 494 * E-mail : vae_co@viettel.vn

Số 128 - 09/HCM-VAE

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2009

BÁO CÁO KIỂM TOÁN về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2008 của Công ty Cổ phần Viễn thông VTC

**Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Viễn thông VTC**

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2008, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2008 được lập ngày 10 tháng 03 năm 2009 của Công ty Cổ phần Viễn thông VTC (gọi tắt là 'Công ty') từ trang 7 đến trang 32 kèm theo. Báo cáo tài chính đã được lập theo các chính sách kế toán trình bày trong Thuyết minh Phần IV của Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất. Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2007 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán và Dịch vụ tin học (AISC).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và của Kiểm toán viên

Theo qui định của Chế độ kế toán Việt Nam và như đã trình bày từ trang 02 đến trang 04, Ban Giám đốc của Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất một cách trung thực và hợp lý. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến độc lập về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán và báo cáo ý kiến của chúng tôi cho Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty CP Viễn thông VTC.

Cơ sở ý kiến:

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Công việc kiểm toán bao gồm kiểm tra trên cơ sở chọn mẫu các ghi chép kế toán, những bằng chứng liên quan đến các số liệu và thông tin được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cũng đồng thời đánh giá những kế hoạch và quyết định trọng yếu của Ban Giám đốc trong quá trình lập Báo cáo tài chính này, việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, và xem xét các chính sách kế toán có được áp dụng nhất quán, trình bày đầy đủ và phù hợp với điều kiện của Công ty hay không.

Chúng tôi đã lập kế hoạch và tiến hành kiểm toán để đạt được các thông tin và sự giải trình mà chúng tôi thấy cần thiết, qua đó cung cấp các bằng chứng xác thực cho chúng tôi để có được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Để đưa ra ý kiến, chúng tôi cũng đã đánh giá tổng quát tính đúng đắn của việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng, công việc kiểm toán đã cung cấp một cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Viễn thông VTC cho năm tài chính 2008:

- a, Đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2008, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày; và
- b, Phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành cũng như các quy định pháp lý có liên quan.

Chúng tôi xin lưu ý

Đến thời điểm kiểm toán Công ty chưa thực hiện xong thủ tục thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do trong năm phát hành thêm cổ phiếu tăng vốn điều lệ.

Báo cáo kiểm toán được lập thành sáu (06) bản bằng tiếng Việt. Công ty CP Viễn thông VTC giữ 05 bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam giữ 01 bản. Các bản có giá trị pháp lý như nhau.



Trần Quốc Tuấn
Tổng giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0148/KTV
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Ngô Bá Duy
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1107/KTV

Mẫu B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2008	01/01/2008
A TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		86.019.563.937	101.220.550.829
I Tiền và các khoản tương đương tiền	110		4.806.375.121	5.995.529.090
1 Tiền	111	V.1.	4.806.375.121	5.995.529.090
II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III Các khoản phải thu ngắn hạn	130		58.404.086.974	72.480.641.751
1 Phải thu của khách hàng	131		36.194.122.617	54.563.714.517
2 Trả trước cho người bán	132		7.579.511.102	10.153.645.838
3 Phải thu nội bộ	133		-	-
4 Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134		13.417.740.050	6.582.546.679
5 Các khoản phải thu khác	135	V.2.	1.370.138.171	1.180.734.717
6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(157.424.966)	-
IV Hàng tồn kho	140		18.444.417.999	19.715.512.930
1 Hàng tồn kho	141	V.3.	18.444.417.999	19.715.512.930
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V Tài sản ngắn hạn khác	150		4.364.683.843	3.028.867.058
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151		196.384.738	-
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		353.558.755	-
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.4.	27.376.850	47.404.597
4 Tài sản ngắn hạn khác	158		3.787.363.500	2.981.462.461
B TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		27.230.064.261	9.983.946.834
I Các khoản phải thu dài hạn	210		144.000.000	-
4 Phải thu dài hạn khác	218	V.5.	144.000.000	-
II Tài sản cố định	220		22.758.938.336	7.664.401.259
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	20.935.038.756	7.129.473.160
- Nguyên giá	222		47.918.017.212	29.665.278.522
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(26.982.978.456)	(22.535.805.362)
3 Tài sản cố định vô hình	227	V.7.	99.156.057	61.329.856
- Nguyên giá	228		444.501.950	356.201.950
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(345.345.893)	(294.872.094)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.8.	1.724.743.523	473.598.243
III Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
V Tài sản dài hạn khác	260		4.327.125.925	2.319.545.575
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9.	3.659.751.137	2.176.445.575
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V15.	46.593.552	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		620.781.236	143.100.000
VI Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280=100+200)	270		113.249.628.198	111.204.497.663

Mẫu B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2008	01/01/2008
A NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		45.944.391.664	62.343.310.861
I Nợ ngắn hạn	310		37.551.252.230	55.704.134.692
1 Vay và nợ ngắn hạn	311	V.10.	4.723.416.185	8.999.706.825
2 Phải trả người bán	312		22.092.249.738	36.095.951.111
3 Người mua trả tiền trước	313		1.094.089.313	1.375.551.431
4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.11.	2.669.359.474	1.706.625.917
5 Phải trả người lao động	315		2.767.084.972	2.749.005.960
6 Chi phí phải trả	316	V.12.	460.232.458	-
7 Phải trả nội bộ	317		-	-
8 Phải trả theo tiến độ kế hoạch HDXD	318		499.078.288	645.139.597
9 Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.13.	3.245.741.802	4.132.153.851
10 Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
II Nợ dài hạn	330		8.393.139.434	6.639.176.169
1 Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2 Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3 Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4 Vay và nợ dài hạn	334	V.14.	8.377.800.788	6.583.374.715
5 Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6 Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		15.338.646	55.801.454
B VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		55.074.590.143	37.662.587.189
(400=410+430)				
I Vốn chủ sở hữu	410		54.116.496.577	37.225.011.157
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.16	40.500.850.000	26.081.870.000
2 Thặng dư vốn cổ phần	412	V.16	200.264.000	200.264.000
3 Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4 Cổ phiếu quỹ (*)	414	V.16	(55.530.000)	(55.530.000)
5 Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6 Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7 Quỹ đầu tư phát triển	417		3.947.750.129	3.484.499.886
8 Quỹ dự phòng tài chính	418		2.106.249.543	2.106.249.543
9 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		1.414.215.144	1.074.215.144
10 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.16	6.002.697.761	4.333.442.584
11 Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
II Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		958.093.566	437.576.032
1 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		958.093.566	437.576.032
3 Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
C LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		12.230.646.391	11.198.599.613
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		113.249.628.198	111.204.497.663

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

(tiếp theo)

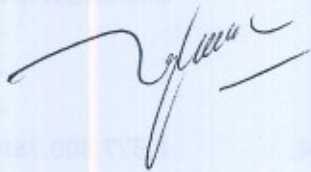
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2008	01/01/2008
1 Tài sản thuê ngoài		-	-
2 Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		403.176.478	168.676.478
3 Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4 Nợ khó đòi đã xử lý		40.000.000	40.000.000
5 Ngoại tệ các loại		78.486,45	2.970,79
6 Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-
7 Nguồn vốn khấu hao cơ bản hiện có		26.198.925.551	22.830.677.456

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 03 năm 2009

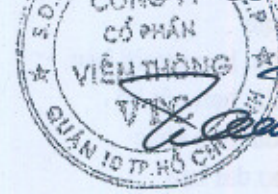
CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG VTC

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thu Huyền

Tổng giám đốc



Trần Viết Tổng

Mẫu B 02 - DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2008

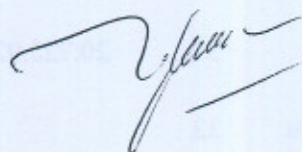
Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2008	Năm 2007
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		92.776.811.925	85.619.076.213
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		71.280	-
3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	VI.17.	92.776.740.645	85.619.076.213
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.18.	65.933.939.000	63.046.143.894
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		26.842.801.645	22.572.932.319
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.19.	672.442.132	312.965.723
7 Chi phí tài chính	22	VI.20.	2.924.133.819	1.030.625.099
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.265.869.049	823.658.217
8 Chi phí bán hàng	24		10.616.381.571	9.365.470.680
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		9.126.390.607	5.549.888.600
10 Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		4.848.337.780	6.939.913.663
11 Thu nhập khác	31		175.156.386	169.492.782
12 Chi phí khác	32		230.819.193	81.247.179
13 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(55.662.807)	88.245.603
14 Phần lãi (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	45			
15 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		4.792.674.973	7.028.159.266
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		1.069.990.668	1.198.233.059
17 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(46.593.552)	-
18 Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN (60=50-51-52)	60		3.769.277.857	5.829.926.207
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		888.351.629	1.543.453.865
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		2.880.926.228	4.286.472.342
19 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.21	924,03	1.695

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 03 năm 2009

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG VTC

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thu Huyền

Tổng giám đốc



Trần Viết Tổng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2008

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2008	Năm 2007
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	1	4.792.674.973	7.028.159.266
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	2	3.539.250.232	4.858.541.658
- Các khoản dự phòng	3	-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4	(84.048.982)	(9.652.734)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	5	(304.860.017)	(114.836.244)
- Chi phí lãi vay	6	2.265.869.049	823.658.190
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8	10.208.885.255	12.585.870.136
- Tăng, giảm các khoản phải thu	9	12.757.807.692	(34.082.357.905)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	1.271.094.932	(2.997.779.134)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(13.014.286.502)	26.531.619.941
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(1.679.690.300)	(392.321.208)
- Tiền lãi vay phải trả	13	(2.255.621.329)	(823.658.190)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(368.697.332)	(392.862.319)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	7.474.832.287	6.600.223.511
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(10.568.634.145)	(6.982.007.426)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	3.825.690.557	46.727.406
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(16.968.232.202)	(2.220.692.203)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	(22.668.464)	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(2.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	2.000.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(4.491.748.830)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	-	270.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	408.197.156	72.086.244
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(21.074.452.340)	(1.878.605.959)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	20.725.926.420	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	(53.870.000)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	19.717.208.458	11.690.445.082
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(22.199.073.025)	(11.319.711.233)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.184.454.039)	(2.588.197.200)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2008

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	16.059.607.814	(2.271.333.351)
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</i>	50	(1.189.153.969)	(4.103.211.904)
<i>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</i>	60	5.995.529.090	10.098.740.994
<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>	61	-	-
<i>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)</i>	70	4.806.375.121	5.995.529.090

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 03 năm 2009

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG VTC

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Huyền

Tổng giám đốc



Trần Viết Tổng

